

Bản án số: 18/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 11/02/2026

V/v tranh chấp

Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - PHÚ THỌ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Trần Việt D**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Bá P**;

2. Ông **Nguyễn Xuân T**.

- Thư ký phiên toà: Bà **Bùi Thị Hà G** - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Liên S**, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thanh C**, sinh năm 2006; Địa chỉ: Khu G, xã T, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh **Hoàng Văn T**, sinh năm 2000; Địa chỉ: Khu G, xã T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị C, anh T đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 12/8/2025, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nguyên đơn chị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 31/7/2024 tại UBND xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã T, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã T, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2025 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không có Tg nói chung, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên đánh, cãi, chửi nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 30 tháng 4 năm 2025 đến nay, không ai quan tâm ai. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

- *Về con chung*: Chị và anh T có 01 con chung là Hoàng Đăng K, sinh ngày 04/9/2024. Hiện nay con chung còn nhỏ và đang ở với chị, nên chị xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị C không yêu cầu giải quyết.

2. Phía bị đơn, anh Hoàng Văn T trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian kết hôn, sự tự nguyện trong hôn nhân, như chị C trình bày là đúng. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nhỏ giữa mẹ chồng nàng dâu sau đó mẹ đẻ chị C đến đón chị C và cháu về để chăm sóc từ ngày 30/4/2025 và không quay lại nhà anh nữa. Còn tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, không có mâu thuẫn gì. Còn việc chị C trình bày đánh, cãi, chửi nhau là không đúng. Anh vẫn hỏi thăm quan tâm tới chị C và con, động viên chị C quay về nhưng chị C vẫn phớt lờ và không quan tâm gì đến anh. Hiện nay chị C đi làm ở đâu thì anh cũng không biết. Nay chị C xin ly hôn thì anh không đồng ý vì tình cảm vợ chồng vẫn còn, muốn cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh và chị C có 01 con chung là Hoàng Đăng K, sinh ngày 04/9/2024, hiện nay con chung đang ở cùng với chị C. Ly hôn anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

3. Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của chị C, anh T. Địa phương xã T đã xác nhận: Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị C, anh T có mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có Tg nói chung. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ phát biểu quan điểm:*

- *Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Điều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Các đương sự về cơ bản đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 35, Điều 39, Khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh C.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Thanh C được ly hôn anh Hoàng Văn T.

+ Về con chung: Giao con chung Hoàng Đăng K, sinh ngày 04/9/2024 cho chị Trần Thị Thanh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên. Anh Hoàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Trần Thị Thanh C tự nguyện không yêu cầu. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Trần Thị Thanh C và anh Hoàng Văn T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Chị Trần Thị Thanh C phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Hoàng Văn T có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Phú Thọ. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Phú Thọ T hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được tranh tụng công khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh C và anh Hoàng Văn T được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 31/7/2024 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã T, tỉnh Phú Thọ). Hôn nhân giữa chị C và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, do đó là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị C trình bày hôn nhân giữa chị C và anh T không hạnh phúc, đã xảy ra mâu thuẫn từ cuối tháng 4 năm 2025 và hiện nay vợ chồng đang sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, lối sống, dẫn đến xảy ra tranh cãi, bất hoà. Anh T trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh vẫn còn tình cảm với chị C nhưng anh T không đưa ra được biện pháp để đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh với chị C. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã T hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh T trình bày quan điểm, ý kiến cũng như hòa giải quan hệ hôn nhân, nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia hòa giải, mặc dù anh T đã biết

Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị C với anh. Việc anh T mong muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng là không thực tâm.

Qua xác minh tại UBND xã T, tỉnh Phú Thọ thì xác định được hôn nhân của chị C và anh T không hoà thuận hạnh phúc, đã xảy ra mâu thuẫn, hiện vợ chồng chị C và anh T đang sống ly thân, không quan tâm đến nhau.

Tại phiên tòa chị C và anh T đều thừa nhận vợ, chồng đã sống ly thân nhau từ ngày 30/4/2025 đến nay.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng chị C và anh T đã trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị C được ly hôn anh T là phù hợp thực tế và đúng với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị C và anh T có 01 con chung là Hoàng Đăng K, sinh ngày 04/9/2024. Cả chị C và anh T đều là lao động tự do và đều xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại phiên tòa chị C và anh T trình bày từ khi vợ chồng ly thân đến nay con chung do chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác cháu Hoàng Đăng K đang còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi). Do vậy, để ổn định và thuận lợi cho việc chăm nom, nuôi dưỡng cũng như đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu K cần giao con chung cho chị C nuôi dưỡng là phù hợp, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị C tự nguyện không yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị C và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Khoản 1, 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Thanh C được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thanh C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Đăng K, sinh ngày 04/9/2024, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị C không yêu cầu.

Anh Hoàng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Trần Thị Thanh C và anh Hoàng Văn T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002925 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Xác nhận chị C đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 6 – Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 6 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã T;
- Lưu HS;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Việt D